

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

- Bản án số: **404/2019/DS-ST**;
- Ngày: 05.11.2019
- V/v: “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Tài**;
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Phương Khanh

2. Ông Châu Vũ Bình

- *Thư ký phiên tòa:* ông **Đỗ Thanh Phong** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa;* bà **Lý Nguyễn Huyền Trang** kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 332/2018/TLST- DS ngày 24/8/2018, về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 189/2019/QĐXXST-DS ngày 17/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 377/2019/QĐST-DS ngày 17/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Đinh Thị Mỹ A, sinh năm 1967**

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang

2. Bị đơn: **Nguyễn Kim B, sinh năm 1962**

Huỳnh Tấn C, sinh năm 1962

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

(bà Mỹ A có mặt, bà B và ông C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, qua hòa giải, nguyên đơn Đinh Thị Mỹ A trình bày:* bà làm thảo hụi, bà B, ông C có góp hụi của bà cụ thể như sau:

1. Dây hụi 500.000 đồng/tháng, khai ngày 25/7/2013 âm lịch, gồm 42 phần, dây hụi này đã mãn vào tháng 01/2017 âm lịch. Bà B và ông C tham gia 03 phần và đã hốt hết 03 phần, còn nợ 16 kỳ hụi chết với số tiền là 24.000.000 đồng.

2. Dây hụi 500.000 đồng/tháng, khai ngày 30/02/2014 âm lịch, gồm 35 phần, dây hụi này đã mãn vào tháng 01/2017 âm lịch. Bà B và ông C tham gia 03 phần và đã hốt hết 03 phần, còn nợ 13 kỳ hụi chết với số tiền là 19.500.000 đồng.

3. Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 30/02/2014 âm lịch, gồm 38 phần, dây hụi này đã mãn vào tháng 01/2017 âm lịch. Bà B và ông C tham gia 03 phần và đã hốt hết 03 phần, còn nợ 16 kỳ hụi chết với số tiền là 48.000.000 đồng.

4. Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 15/11/2014 âm lịch, gồm 38 phần, dây hụi này đã mãn vào tháng 01/2017 âm lịch. Bà B và ông C tham gia 04 phần và đã hốt hết 04 phần, còn nợ 23 kỳ hụi chết với số tiền là 92.000.000 đồng.

5. Dây hụi 500.000 đồng/tháng, khai ngày 05/02/2015 âm lịch, gồm 36 phần, dây hụi này đã mãn. Bà B và ông C tham gia 06 phần và đã hốt hết 06 phần, còn nợ 23 kỳ hụi chết với số tiền là 69.000.000 đồng.

Ngoài ra, vợ chồng ông C, bà B có vay của bà số tiền 13.360.000 đồng để đóng hụi chết. Trong quá trình hốt hụi, bà thu có đóng lại được 48.000.000 đồng tiền hụi chết.

Như vậy, tổng số tiền hụi chết bà B và ông C còn nợ bà là 204.500.000 đồng. Bà đã nhiều lần yêu cầu trả nhưng ông C và bà B không trả mà hẹn dần và kéo dài đến nay. Nay bà yêu cầu bà B và ông C trả số tiền hụi còn nợ bà là 204.500.000 đồng và số tiền vay 13.360.000 đồng, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, bà A xin rút yêu cầu khởi kiện đối với ông C và bà B về việc yêu cầu trả số tiền vay 13.360.000 đồng. Bà yêu cầu bà B và ông C trả số tiền hụi còn nợ bà là 204.500.000 đồng, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Riêng đối với số tiền hụi chết 56.000.000 đồng, khai ngày 20/12/2012 âm lịch, bà không yêu cầu.

* Bị đơn Huỳnh Tấn C và Nguyễn Kim B vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ kiện: yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở một phần, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Bà A cùng bà B, ông C có thỏa thuận hợp đồng hụi với nhau, do bà B, ông C hốt hụi nhưng không đóng hụi chết cho bà A nên bà A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà B và ông C trả lại số tiền hụi chết còn thiếu 204.500.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*tranh chấp hợp đồng góp hụi*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; do bị đơn hiện đang cư trú, sinh sống tại ấp M, xã N, huyện Chợ Gạo nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo có thẩm quyền giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Bà B, ông C được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa dân sự sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng ông, bà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với bà B, ông C.

[3] Xét thấy: Tại phiên tòa, bà A xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể bà A xin rút yêu cầu khởi kiện đối với bà B, ông C để yêu cầu trả số tiền vay 13.360.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của đương sự, phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà A, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà A khởi kiện yêu cầu bà B liên đới cùng chồng là ông C liên đới trả số tiền hụi chết còn nợ là 204.500.000 đồng, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Căn cứ để bà khởi kiện là các “giấy tay giao tiền hụi” cho bà B khi bà B hốt hụi, có chữ ký của bà B với tên thường gọi “Tur B”. Xét thấy, qua xác nhận của Công an xã N xác nhận bà Đinh Thị Mỹ A có tên thường gọi “Mỹ A” và Nguyễn Kim B có tên thường gọi “Tur B”. Theo các tài liệu, chứng cứ do bà A cung cấp là bản chính các “giấy tay giao tiền hụi” cho bà B khi bà B hốt hụi, có chữ ký của bà B với tên thường gọi “Tur B” và qua lời khai của một số hụi viên trong dây hụi cũng xác nhận bà B có tham gia góp hụi do bà A làm thảo hụi, bà B đã hốt hụi và không đóng lại tiền hụi chết cho bà A. Bà B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà vẫn vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến cũng như chứng cứ chứng minh không còn nợ tiền hụi của bà A.

Như vậy đủ cơ sở khẳng định bà B có tham gia góp hụi, đã hốt hụi và còn nợ bà A số tiền 204.500.000 đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A, buộc bà B có nghĩa vụ trả số nợ trên cho bà A là phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

[5] Về yêu cầu tính lãi: Do bà A không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ liên đới của ông Đinh Tấn C: Tại phiên tòa, bà A trình bày ông C biết việc bà B tham gia góp hụi với bà A nhưng ông C không tham gia hốt hụi, đóng hụi, khai hụi và tiền bà B hốt hụi về để mua đất nên bà A yêu cầu ông C, bà B liên đới trả số tiền hụi 204.500.000 đồng. Bà B và ông C vắng mặt. Xét thấy, bà A không có chứng cứ chứng minh ông C có tham gia góp hụi, đóng hụi và không có chứng cứ chứng minh tiền bà B hốt hụi về là để mua đất hoặc phục vụ nhu cầu thiết yếu cho gia đình nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà A về việc buộc ông C liên đới cùng bà B trả số tiền hụi này.

[7] Về thời gian trả nợ: Bà A yêu cầu bà B trả số tiền hụi 204.500.000 đồng, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, bà B đã vi phạm nghĩa vụ của hụi viên, đã hốt hụi nhưng không đóng lại hụi chết đầy đủ cho bà A, trong khi các dây hụi này đã mãn hơn nửa số nợ lớn, nếu để kéo dài sẽ thiệt thòi quyền, lợi ích hợp pháp của bà A. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà A, buộc bà B có nghĩa vụ trả số nợ trên cho bà A ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật tố tụng dân sự; đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật một phần đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Đề nghị này phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 218, Điều 219, Điều 244, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 471 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 16, Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hội, họ, biểu, phường;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

*** Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Mỹ A**

1. Bà Nguyễn Kim B có nghĩa vụ trả cho bà Đinh Thị Mỹ A số tiền hội 204.500.000 đồng (*Hai trăm lẻ bốn triệu, năm trăm nghìn đồng*), trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Đến hạn trả tiền, nếu bà Nguyễn Kim B chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Mỹ A đối với bà Nguyễn Kim B và ông Huỳnh Tấn C về việc yêu cầu bà Nguyễn Kim B và ông Huỳnh Tấn C liên đới trả số tiền vay 13.360.000 đồng;

Các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại theo quy định tại khoản 1 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Kim B phải nộp số tiền 10.225.000 đồng;

Hoàn lại cho bà Đinh Thị Mỹ A số tiền 6.207.750 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0015046 ngày 24/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt, thời hạn 15 ngày tính từ ngày được Tòa án thông đạt Bản án hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

* **Nơi nhân:**

- Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;

(đã ký)

Phạm Văn Tài